TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 146/2019/QĐ-PT	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng tấn

Ông Đặng An Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Đinh Thị Trang, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Nguyễn Văn Phượng, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018.

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã căn cứ vào Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án về: "Tranh chấp đòi lại tài sản", giữa:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị B, sinh năm 1938

Địa chỉ: Số 19, GRANTCHESTER PLACE, GAITHER BURY, MD 20877.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bội: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 27, Tổ 8, Khóm 1, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số 62, N, ấp M, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 25, đường Đ, Tổ 60, Khóm 4, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 19, GRANTCHESTER PLACE, GAITHER BURY, MD 20877.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1989.

Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số 19, GRANTCHESTER PLACE, GAITHER BURY, MD 20877.

Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1973

Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số 27, Tổ 8, Khóm 1, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số 62, N, ấp M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tại đơn kháng cáo ngày 19/11/2018 bà Nguyễn Thị Cẩm T kháng cáo với lý do không đồng ý với việc Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên họp vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm của cấp sơ thẩm xử.

XÉT THẤY:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B kháng cáo làm trong thời hạn nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét về nội dung của Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì thấy:

Bà Trần Thị B cho rằng bà có nhờ vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh N đứng tên mua đất xây nhà tại thửa đất số 931, tọa lạc tại ấp M, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Bà B yêu cầu buộc anh Đ và chị N phải ký giấy tờ chuyển lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 931, tọa lạc tại ấp M, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho bà (nhà và đất hiện nay do bà và con bà là Nguyễn Thị Cẩm T đang quản lý, sử dụng). Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà Bội yêu cầu buộc anh Đ và chị N ký các giấy tờ để chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà sang tên bà, việc yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (thuộc lĩnh vực giải quyết hành chính) nên Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho bà B như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nên không chấp nhận theo đơn kháng cáo của

bà Nguyễn Thị Cẩm T đại diện cho bà Trần Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết theo yêu cầu của bà.

Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm của cấp sơ thẩm xử.

Quan điểm đề nghị này phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận

Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm T (đại diện cho bà Trần Thị B kháng cáo).

2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số BG/2015 0000389 ngày 23/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Quyết định này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Tô Chánh Trung

Mẫu số 72-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]

Số:...../...../QĐ-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm……

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO (KHÁNG NGHỊ) ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ (ĐÌNH CHỈ) GIẢI QUYẾT VỤ ÁN [2]

TÒA ÁN NHÂN DÂN .....[3]

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông (Bà):.....
Các Thẩm phán: Ông (Bà):.....
Ông (Bà):..... .

Tại quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số…/…/QĐ-ST ngày.....tháng.....năm.....
Toà án nhân dân …… đã căn cứ vào ..... của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tạm đình chỉ (đình chỉ) giải quyết vụ án dân sự về việc ……..giữa:
Nguyên đơn: .....
Địa chỉ: .....
.....
Bị đơn: .....
Địa chỉ: .....
.....
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: .....
Địa chỉ: .....
Tại đơn kháng cáo (quyết định kháng nghị số .....) ngày.....tháng..... năm……[4]…….... với lý do[5].....

XÉT THẤY:[6]

.....
Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1.[(7)] .....
2.[(8)] .....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định**.**

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 72-DS</u>:

(1) và (3) Ghi tên Toà án ra quyết định. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(2) Trường hợp quyết định giải quyết việc kháng cáo thì bỏ hai chữ "kháng nghị"; nếu quyết định giải quyết việc kháng nghị bỏ hai chữ "kháng cáo". Trường hợp giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị) đối với quyết định tạm đình chỉ thì bỏ chữ "đình chỉ"; nếu giải quyết kháng cáo (hoặc kháng nghị), đối với quyết định đình chỉ thì bỏ chữ "tạm đình chỉ"

(4) Ghi ngày, tháng, năm, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên của người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày… tháng… năm… nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị, thì ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị và số, ngày, tháng, năm kháng nghị, nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(5) Ghi cụ thể lý do của việc kháng cáo, kháng nghị.

(6) Nêu phần nhận định, phân tích của Hội đồng phúc thẩm về các lý do của kháng cáo, kháng nghị, những căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị.

(7) Ghi quyết định của Hội đồng phúc thẩm theo một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(8) Quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự (nếu thuộc trường hợp phải nộp án phí phúc thẩm, thì ghi rõ trong quyết định số tiền phải nộp là bao nhiêu; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm, thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn) tiền án phí phúc thẩm).